TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HC-PT
Ngày 09-7-2026
V/v *khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Phước Thanh;

2. Bà Hoàng Thị Thuý Lành.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 05/2026/TLPT-HC ngày 19-5-2026 về việc: "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất".

Do bản án sơ thẩm số: 03/2026/HC-ST ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

***Người khởi kiện*:**

1. Ông Phan Văn H, sinh năm: 1977; vắng mặt;

2. Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm: 1979; vắng mặt;

Cùng cư trú: 70, đường số B, khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Mai Thương Phước T, sinh năm: 1982, cư trú: 985/29, Â, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 22-8-2025); có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoài T1- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Nguyễn Hoàng Xuân V- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm: 1987, cư trú: 31, đường H, C, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực C. Trụ sở: Ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn T2, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt;

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn S. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Cẩm P, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH S.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Thái A, sinh năm 1987, cư trú: 12, P, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

- Ông Hồ Viết P1, sinh năm 1982, cư trú: Ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

(Văn bản ủy quyền số 01/2026/UQ-SLA ngày 07-01-2026)

Người kháng cáo: Ông Phan Văn H và bà Trần Thị Ngọc L là người khởi kiện và Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L và bà Mai Thương Phước T là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

Thửa đất số 3200, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, do ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR651984 ngày 23-4-2019.

Ngày 26-12-2022, Ủy ban nhân dân huyện C (viết tắt là UBND) ban hành Quyết định số 8374/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp N và Quyết định số 9333/QĐ-UBND về việc bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và các khoản hỗ trợ thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp N tại xã T, huyện C.

Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được UBND huyện C phê duyệt tại Quyết định số 7753/QĐ-UBND ngày 26-12-2022, ông H, bà L có tổng diện tích thu hồi 100 m^2 (tại thửa đất số 3200, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, vị trí đoạn từ sau mét thứ 100 đến mét thứ 200 của Đường T – đoạn còn lại, không có công trình trên đất) thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp N do Công ty TNHH S đầu tư tại xã T; với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 396.350.000 đồng. Đồng thời, tại Quyết định 9333/QĐ-UBND và Quyết định 8374/QĐ-UBND nêu trên thì thời gian để UBND huyện C thực hiện bồi thường, hỗ trợ là vào ngày 25-01-2023. Tuy nhiên, UBND huyện C không thực hiện đúng nội dung quyết định, cho đến ngày 05-12-2024, UBND huyện C mới thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là 396.350.000 đồng cho ông H, bà L. Việc thanh toán trễ hạn nhưng lại không thực hiện việc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường cho ông H, bà L.

Vào ngày 19-9-2024, ông H, bà L có gửi Đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An yêu cầu UBND huyện C giải quyết, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định tại Quyết định số 9333/QĐ-UBND và Quyết định 8374/QĐ-UBND.

Ngày 12-10-2024, ông H, bà L nhận được Văn bản trả lời đơn khiếu nại số 5532/UBND-NC đề ngày 07-10-2024.

Căn cứ theo Khoản 3 Điều 94 Luật Đất đai năm 2024 quy định thì kinh phí chi trả bồi thường chậm được bố trí từ ngân sách của cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nghĩa là thuộc Ủy ban nhân dân huyện C. Việc Ủy ban nhân dân huyện C viện dẫn lý do Công ty TNHH S chỉ là cố tình tạo sự nhầm lẫn.

Ngày 18-10-2024, ông H, bà L gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L (cũ) và đồng gửi các cơ quan. Sau đó, Thanh tra tỉnh Long An chuyển đơn kiến nghị số 912 ngày 29-10-2024 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C xem xét. Ủy ban nhân dân huyện C ban hành thông báo thụ lý khiếu nại lần đầu số: 6031/TB-UBND ngày 29-10-2024. Ngày 05-12-2024, UBND huyện C ban hành Quyết định số: 6866/QĐ-UBND ngày 05-12-2024 về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại, lý do ông H – bà L đã rút khiếu nại.

Ngày 10-12-2024, ông H, bà Lam làm đơn đề nghị gửi đến Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An và Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện C với nội dung đề nghị thực hiện thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường, nhưng không được giải quyết.

Nay ông H, bà L khởi kiện yêu cầu:

+ Tuyên hành vi không giải quyết việc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng do thu hồi 100m^2 tại thửa đất 3200, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã T, tỉnh Tây Ninh thông

qua Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại số 6866/QĐ-UBND là trái pháp luật.

+ Buộc Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh thực hiện việc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường do thu hồi 100m^2 tại thửa đất 3200, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã T, tỉnh Tây Ninh với số tiền bồi thường là 396.350.000 đồng tính từ ngày 26-01-2023 đến khi thực hiện xong việc thanh toán tiền bồi thường cho ông H, bà L theo đúng quy định pháp luật, tính đến ngày 06-12-2025 với số tiền 88.809.000 đồng.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh có ý kiến tại Văn bản số 42/UBND-KT ngày 06-01-2026 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Nguồn vốn chi trả bồi thường ban đầu do Công ty TNHH S tự nguyện ứng trước. Tuy nhiên, Công ty này đã chậm chuyển kinh phí để chi trả cho người dân, dù UBND huyện (trước đây), Ban Q và UBND xã T đã nhiều lần có văn bản đôn đốc, đề nghị.

UBND xã T đã nhiều lần làm việc và có văn bản đôn đốc chủ đầu tư chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ, kể cả kinh phí chậm chi trả. UBND xã cũng đã báo cáo, kiến nghị UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan để yêu cầu, đôn đốc chủ đầu tư. Tuy nhiên, đến nay chủ đầu tư vẫn chưa thực hiện.

Nguyên nhân của việc chậm chi trả là do chủ đầu tư chưa đảm bảo kinh phí theo quy định, mặc dù UBND xã T đã thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước.

Qua yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực C trình bày:

Ngày 05-12-2025, Ban Q đã phối hợp cùng các ngành, UBND xã T và Chủ đầu tư tiến hành chi trả bồi thường cho ông Phan Văn H và Trần Thị Ngọc L với số tiền bồi thường 396.350.000 đồng.

Qua yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 18-9-2024, ông Phan Văn H và bà Trần Thị Ngọc L đã gửi đơn khiếu nại hành chính yêu cầu giải quyết việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tiền chậm trả khi Nhà nước thu hồi đất.

Đến ngày 05-12-2024, Ban Q đã thực hiện chi trả đầy đủ tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông H và bà L theo phương án đã được phê duyệt. Tại Biên bản thống nhất giá trị bồi thường, hỗ trợ và cam kết bàn giao đất cùng ngày, ông bà đã bày

tỏ ý kiến về việc chi trả, thời điểm nhận tiền và các vướng mắc. Các ý kiến này đã được tiếp nhận, giải thích rõ căn cứ pháp lý và phương án thực hiện.

Sau khi được giải thích, ông Phan Văn H và bà Trần Thị Ngọc L đã thống nhất với phương án giải quyết, ký Biên bản, xác nhận "đồng ý toàn bộ giá trị bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt", "số tiền bồi thường, hỗ trợ là tài sản hợp pháp", đề nghị nhận tiền mặt một lần, cam kết "bàn giao mặt bằng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ" và "không còn thắc mắc, khiếu nại gì khác". Ông bà đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ trong ngày 05-12-2024.

Cùng ngày 05-12-2024, ông H, bà L đã gửi "Đơn xin rút đơn khiếu nại", xác nhận đã nhận đủ tiền, tự nguyện rút toàn bộ khiếu nại và cam kết không còn thắc mắc, khiếu nại nào khác. Do đó, quan hệ khiếu nại hành chính đã được giải quyết dứt điểm. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào cho thấy ông Phan Văn H và bà Trần Thị Ngọc L đã thực hiện nghĩa vụ bàn giao mặt bằng theo cam kết. Việc người khởi kiện đã nhận đủ tiền, rút đơn khiếu nại nhưng chưa chứng minh hoàn thành nghĩa vụ bàn giao mặt bằng và vẫn tiếp tục khởi kiện cho thấy yêu cầu khởi kiện không có cơ sở chấp nhận theo quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định yêu cầu khởi kiện là: Căn cứ Điều 94 Luật Đất đai năm 2024, đề nghị Tòa án:

Tuyên hành vi không giải quyết việc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng do thu hồi 100m^2 tại thửa đất 3200, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã T, tỉnh Tây Ninh thông qua Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại số 6866/QĐ-UBND là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh thực hiện việc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường do thu hồi 100m^2 tại thửa đất 3200, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã T, tỉnh Tây Ninh với số tiền bồi thường là 396.350.000 đồng tính từ ngày 26-01-2023 đến khi thực hiện xong việc thanh toán tiền bồi thường cho ông H, bà L theo đúng quy định pháp luật, tính đến ngày 07-4-2026 số tiền 92.371.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L về việc:

Tuyên hành vi hành chính không giải quyết việc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng do thu hồi 100m^2 tại thửa đất 3200, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã T, tỉnh Tây

Ninh thông qua Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại số 6866/QĐ-UBND ngày 05-12-2024 của Ủy ban nhân dân huyện C, nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh thực hiện việc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường do thu hồi 100m^2 tại thửa đất 3200, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã T, tỉnh Tây Ninh với số tiền bồi thường là 396.350.000 đồng tính từ ngày 26-01-2023 đến khi thực hiện xong việc thanh toán tiền bồi thường cho ông H, bà L theo đúng quy định pháp luật, tính đến ngày 07-4-2026 số tiền 92.371.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22-4-2026, ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L có đơn kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Ngày 20-4-2026, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh có Kháng nghị số 15/QĐ-VKSKV7-HC ngày 20-4-2026, về việc kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 07-4-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh; đề nghị cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu buộc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà, trình bày: giữ nguyên kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Mai Thương Phước T *là người đại diện theo uỷ quyền của ông* Phan Văn H, *bà* Trần Thị Ngọc L *trình bày:* Ông H, bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng Hành chính trong việc thụ lý vụ án, ban hành văn bản tố tụng đúng thẩm quyền và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự, bảo đảm đúng trình tự thủ tục, dân chủ trong xét hỏi và tranh luận tại phiên toà. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Kháng nghị số 15/QĐ-VKSKV7-HC ngày 20-4-2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh; chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L; sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L; buộc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường cho ông H, bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Nhận thấy, Kháng nghị số 15/QĐ-VKSKV7-HC ngày 20-4-2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh và đơn kháng cáo của ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L là còn trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 206, Điều 213 của Luật Tố tụng hành chính, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

1.2. Người người khởi kiện, người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

1.3. Về đối tượng bị khởi kiện và người tham gia tố tụng trong vụ án:

Người khởi kiện ông H, bà L yêu cầu tuyên hành vi hành chính không giải quyết việc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân xã T thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường cho ông H, bà L theo đúng quy định pháp luật. Đây là khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Xét Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại số 6866/QĐ-UBND ngày 05-12-2024 của Ủy ban nhân dân huyện C ban hành, nhưng do việc thay đổi đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân huyện C đã được sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính, chuyển giao chức năng, nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh. Do đó, Ủy ban nhân dân xã T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện C và theo đơn khởi kiện, Ủy ban nhân dân xã T được xác định là người bị kiện. Đồng thời, theo Luật Đất đai năm 2024 quy định về thẩm quyền quản lý đất đai; nên cần bổ sung Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhằm giải quyết triệt để vụ án.

1.4. Về thời hiệu khởi kiện: Ông H, bà L nhận Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại số 6866/QĐ-UBND ngày 05-12-2024, đến ngày 22-8-2025 ông H, bà L nộp đơn khởi kiện nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét Kháng nghị số 15/QĐ-VKSKV7-HC ngày 20-4-2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh và kháng cáo của ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 26-12-2022, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 8374/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp N và Quyết định số 9333/QĐ-UBND về việc bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và các khoản hỗ trợ thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp N tại xã T, huyện C.

Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được UBND huyện C phê duyệt tại Quyết định số 7753/QĐ-UBND ngày 26-12-2022, ông H, bà L có

tổng diện tích thu hồi 100 m^2 (tại thửa đất số 3200, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, vị trí đoạn từ sau mét thứ 100 đến mét thứ 200 của Đường T – đoạn còn lại, không có công trình trên đất) thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp N do Công ty TNHH S đầu tư tại xã T; với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 396.350.000 đồng. Đồng thời, tại Quyết định 9333/QĐ-UBND và Quyết định 8374/QĐ-UBND nêu trên thì thời gian để UBND huyện C thực hiện bồi thường, hỗ trợ là vào ngày 25-01-2023. Tuy nhiên, do chưa có nguồn vốn chi trả bồi thường nên chưa thực hiện được việc bồi thường. Đến ngày 05-12-2024, UBND huyện C đã lập biên bản thoả thuận, hai bên thống nhất chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ là 396.350.000 đồng cho ông H, bà L xong.

Tại Biên bản thống nhất giá trị bồi thường, hỗ trợ và cam kết bàn giao đất cùng ngày 05-12-2024; theo biên bản này ông Phan Văn H và bà Trần Thị Ngọc L đã thống nhất với phương án giải quyết, ký nhận "đồng ý toàn bộ giá trị bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt", "số tiền bồi thường, hỗ trợ là tài sản hợp pháp", đề nghị nhận tiền mặt một lần, cam kết "bàn giao mặt bằng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ" và "không còn thắc mắc, khiếu nại gì khác". Ông bà đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ trong ngày 05-12-2024. Đồng thời, cùng ngày 05-12-2024, ông H, bà L đã gửi "Đơn xin rút đơn khiếu nại", xác nhận đã nhận đủ tiền, tự nguyện rút toàn bộ khiếu nại và cam kết không còn thắc mắc, khiếu nại nào khác, nên sự việc đã được thoả thuận giải quyết xong. Do đó, cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L là phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên, nhận thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa chưa phù hợp nên không chấp nhận; không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L và không chấp nhận Kháng nghị số 15/QĐ-VKSKV7-HC ngày 20-4-2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do kháng cáo của ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L không được chấp nhận, nên ông H, bà L phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

2. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L;

3. Không chấp nhận Kháng nghị số 15/QĐ-VKSKV7-HC ngày 20-4-2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

4. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 07-4-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011. Điều 254 Luật Đất đai năm 2024. Điều 66, Điều 68, Điều 69, Điều 93 Luật Đất đai năm 2013. Điểm b, d Khoản 2 Điều 32 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Điểm g khoản 1 Điều 14 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12-6-2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31-01-2026 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

6. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L, về yêu cầu:

Tuyên hành vi hành chính không giải quyết việc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng do thu hồi 100m^2 tại thửa đất 3200, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã T, tỉnh Tây Ninh thông qua Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại số 6866/QĐ-UBND ngày 05-12-2024 của Ủy ban nhân dân huyện C, nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh thực hiện việc thanh toán tiền chậm chi trả tiền bồi thường do thu hồi 100m^2 tại thửa đất 3200, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã T, tỉnh Tây Ninh với số tiền bồi thường là 396.350.000 đồng tính từ ngày 26-01-2023 đến khi thực hiện xong việc thanh toán tiền bồi thường cho ông H, bà L theo đúng quy định pháp luật, tính đến ngày 07-4-2026 với số tiền 92.371.000 đồng.

7. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện phải chịu án phí 300.000 đồng. Tạm ứng án phí ông H, bà L đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai 0014180 ngày 03-12-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, chuyển sang thi hành án phí.

8. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Phan Văn H, bà Trần Thị Ngọc L mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008403 và Biên lai thu số 0008404 cùng ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Phòng GĐ, KT, TT&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn